

Bản án số: 88/2025/DS-ST

Ngày 18/9/2025.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 28/2025/TLST – DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2025/QĐXXST-DS ngày 15/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn G, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Cao Thị M, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Văn G trình bày: Vào tháng 6 năm 2017, bà Cao Thị M có vay của ông G 08 chỉ vàng 24k và 7.000.000 đồng, với lãi suất 500.000 đồng/tháng. Bà M trả lãi được 6 tháng liên tiếp với tổng số tiền 3.000.000 đồng. Đến cuối năm 2021, chồng của bà M là ông Đỗ Văn C trả cho ông G 5.000.000 đồng tiền gốc thì không trả nữa. Đến ngày 17/11/2023, ông G yêu cầu ban N giải quyết thì bà Cao Thị M cam kết trả cho ông G mỗi tháng 2,5 phân vàng 24k cho đến

khi trả hết 08 chỉ vàng 24k. Nhưng bà M chỉ trả 02 lần được 0,4 chỉ vàng 24k thì ngưng không trả đến nay.

Tại phiên tòa, ông G yêu cầu bà Cao Thị M cùng với chồng là ông Đỗ Văn C trả cho ông Đỗ Văn G 7,6 chỉ vàng 24k, quy ra giá trị bằng tiền là 8.670.000 đồng/01 chỉ x 7,6 chỉ = 65.892.000 đồng và yêu cầu trả 2.000.000 đồng tiền vay. Tổng cộng số tiền 67.892.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Tại phiên tòa, bị đơn bà Cao Thị M trình bày:* Bà M thừa nhận có vay của ông G 08 chỉ vàng 24k và 7.000.000 đồng để nuôi tằm làm kinh tế gia đình. Đến cuối năm 2021, chồng của bà M là ông Đỗ Văn C trả cho ông G 5.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 17/11/2023, bà M có ký tờ cam kết trả cho ông G 2.000.000 đồng tiền vay và 08 chỉ vàng 24k. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chỉ trả được 0,4 chỉ vàng 24k, sau đó có trả thêm 0,5 chỉ vàng 24k nhưng ông G không chịu nhận. Nay bà M đồng ý trả cho ông G 2.000.000 đồng và 7,6 chỉ vàng 24k, đồng ý quy ra tiền 8.670.000 đồng/1 chỉ = 65.892.000 đồng. Đồng ý trả theo yêu cầu của ông G tổng số tiền 67.892.000 đồng. Nhưng yêu cầu trả dần 03 lần trong một năm, mỗi lần trả 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn C trình bày:* Bà Cao Thị M vay tiền và vàng của ông Đỗ Văn G thì ông không biết rõ vay bao nhiêu vì bà M trực tiếp giao dịch với ông G. Khi bà M không có khả năng trả nợ thì ông G có đến nhà đòi nợ nên ông C có trực tiếp trả cho ông G số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng. Sau đó, ông G có yêu cầu Ban N giải quyết thì bà M có trả thêm cho ông G 0,4 chỉ vàng 24k. Nếu thực tế hiện nay còn nợ của ông G số tiền 2.000.000 đồng và số vàng 7,6 chỉ vàng 24k thì ông C đồng ý cùng với bà M trả nợ cho ông G. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên yêu cầu ông G tạo điều kiện cho ông C và bà M trả thành nhiều lần.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông C vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 3 Điều 26; khoản 1 Điều 92, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 166, Điều 463, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn G về việc yêu cầu bà Cao Thị M và ông Đỗ Văn C liên đới thanh toán tổng số tiền 67.892.000 đồng. Buộc bà Cao Thị M và ông Đỗ Văn C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Đỗ Văn G tổng số tiền 67.892.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện Tòa án xác định “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên, ngoài yêu cầu trả tiền vay nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn hoàn trả vàng, không yêu cầu tính lãi, có bản chất là yêu cầu hoàn trả tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Văn G và bị đơn bà Cao Thị M thống nhất thừa nhận vào năm 2017 bà Cao Thị M có vay tiền và vàng của ông Đỗ Văn G, đến nay bà M còn nợ số tiền 2.000.000 đồng và 7,6 chỉ vàng 24k. Việc thống nhất thừa nhận của các đương sự nêu trên được xác định là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, đây là hợp đồng vay tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Đỗ Văn G đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền, vàng cho bà Cao Thị M vay để phục vụ việc chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Nhưng quá trình thực hiện hợp đồng, bà M không thanh toán tiền và vàng vay cho ông G theo thỏa thuận. Như vậy, bà Cao Thị M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông G yêu cầu bà Cao Thị M thanh toán tổng số tiền 67.892.000 đồng (trong đó tiền vay 2.000.000 đồng và số vàng 7,6 chỉ vàng 24k (quy ra tiền tương đương 65.892.000 đồng)) là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa bà M thống nhất quy giá vàng 8.670.000 đồng/1 chỉ = 65.892.000 đồng, tuy giá vàng các bên thống nhất thấp hơn giá vàng thời điểm xét xử, nhưng xét sự thống nhất thỏa thuận giá vàng của các đương sự tại phiên tòa có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét ý kiến của bị đơn yêu cầu nguyên đơn gia hạn thời hạn thanh toán dần 03 lần trong một năm, mỗi lần trả 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần mà yêu cầu thanh toán một lần. Do đó, yêu cầu được trả dần số nợ của bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về nghĩa vụ liên đới: Xét thấy, bị đơn bà Cao Thị M và ông Đỗ Văn C là vợ chồng, bà M vay tiền, vàng của nguyên đơn nhằm phục vụ phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 27; khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì xem đây là nợ chung nên việc nguyên đơn yêu cầu bà Cao Thị M có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Đỗ Văn C thanh toán nợ cho nguyên đơn tổng số tiền 67.892.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Không yêu cầu không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc bà Cao Thị M và ông Đỗ Văn C liên đới trả cho ông Đỗ Văn G tổng số tiền 67.892.000 đồng.

[7] Về án phí:

- Bị đơn bà Cao Thị M và ông Đỗ Văn C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.394.600 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà Cao Thị M sinh năm 1965 và ông Đỗ Văn C sinh năm 1965 là người cao tuổi (60 tuổi) và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí nên bà Cao Thị M và ông Đỗ Văn C thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 166; Điều 463; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Văn G về việc yêu cầu bà Cao Thị M và ông Đỗ Văn C liên đới thanh toán tổng số tiền 67.892.000 đồng.

[2] Buộc bà Cao Thị M và ông Đỗ Văn C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Đỗ Văn G tổng số tiền 67.892.000 đồng.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc ông Đỗ Văn G có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Cao Thị M và ông Đỗ Văn C chậm trả số tiền nêu trên cho ông Đỗ Văn G, thì bà Cao Thị M và ông Đỗ Văn C phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Cao Thị M và ông Đỗ Văn C được miễn án phí.

- Nguyên đơn ông Đỗ Văn G thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV8- Cần Thơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND.TP Cần Thơ;
- Phòng T.H.A dân sự KV8- Cần Thơ,
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ái M1